

**CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
LẠNG SƠN**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

**CỦA CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
LẠNG SƠN**

Mã chứng khoán: DXL

Lạng sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2020

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4900101456
- Vốn điều lệ: 39.579.000.000,
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39.579.000.000,
- Địa chỉ: Số 1A Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn
- Số điện thoại: 0205 3 814 848
- Số fax:
- Website: www.tocolimexlangson.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): DXL

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Ngày thành lập: 26/8/2005 theo quyết định của số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26/08/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn thành Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Công ty). Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp giấy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 28/11/2018.

- Các sự kiện khác: Ngày 15/05/2015 bán 49,99% cổ phần tương đương với 14.787.400.000,đ vốn nhà nước tại Công ty cho công ty THHH Thảo viên và trở thành công ty cổ phần 100% vốn góp của các cổ đông; ngày 19/11/2018 Công ty thực hiện thành công chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ với số vốn tăng là 10.000.000.000 đồng tương đương với 1.000.000 CP, tăng vốn điều lệ từ 29.579.000.000đ lên 39.579.000.000đ, từ 2.957.900 CP lên 3.957.900 CP.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

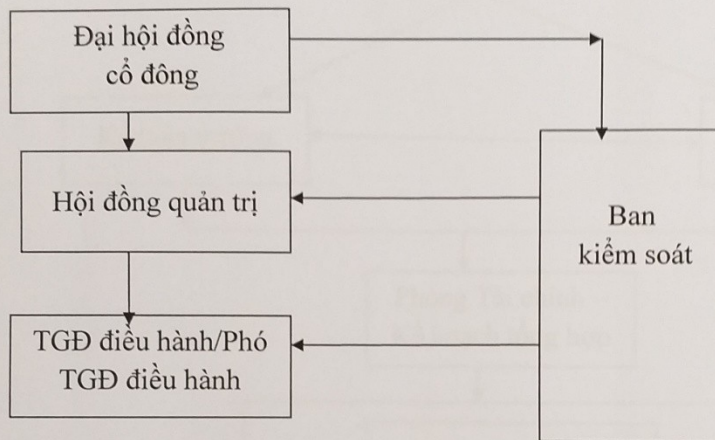
- Ngành nghề kinh doanh: Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Không bao gồm: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xông hơi, xoa bóp, bấm lưng, vật lý trị liệu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ bán vé máy bay; Thu gom rác thải không độc hại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giặt là; Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Phòng hát Karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thương danh cho người nước ngoài); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ

gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Bán buôn thực phẩm; Quảng cáo; Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề Chi tiết: Hoạt động vui chơi thể chất đa năng dành cho trẻ em; Hoạt động thể thao khác chi tiết: Hoạt động thể thao đa năng. Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn và các vùng lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu bộ máy quản lý được thực hiện và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các luật liên quan và Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và ban hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

+ Đại hội cổ đông của Công ty là cơ quan cao nhất có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật định và Điều lệ Công ty.

+ Hội đồng quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu và là Bộ phận quản lý của Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc Đại hội cổ đông quyết định

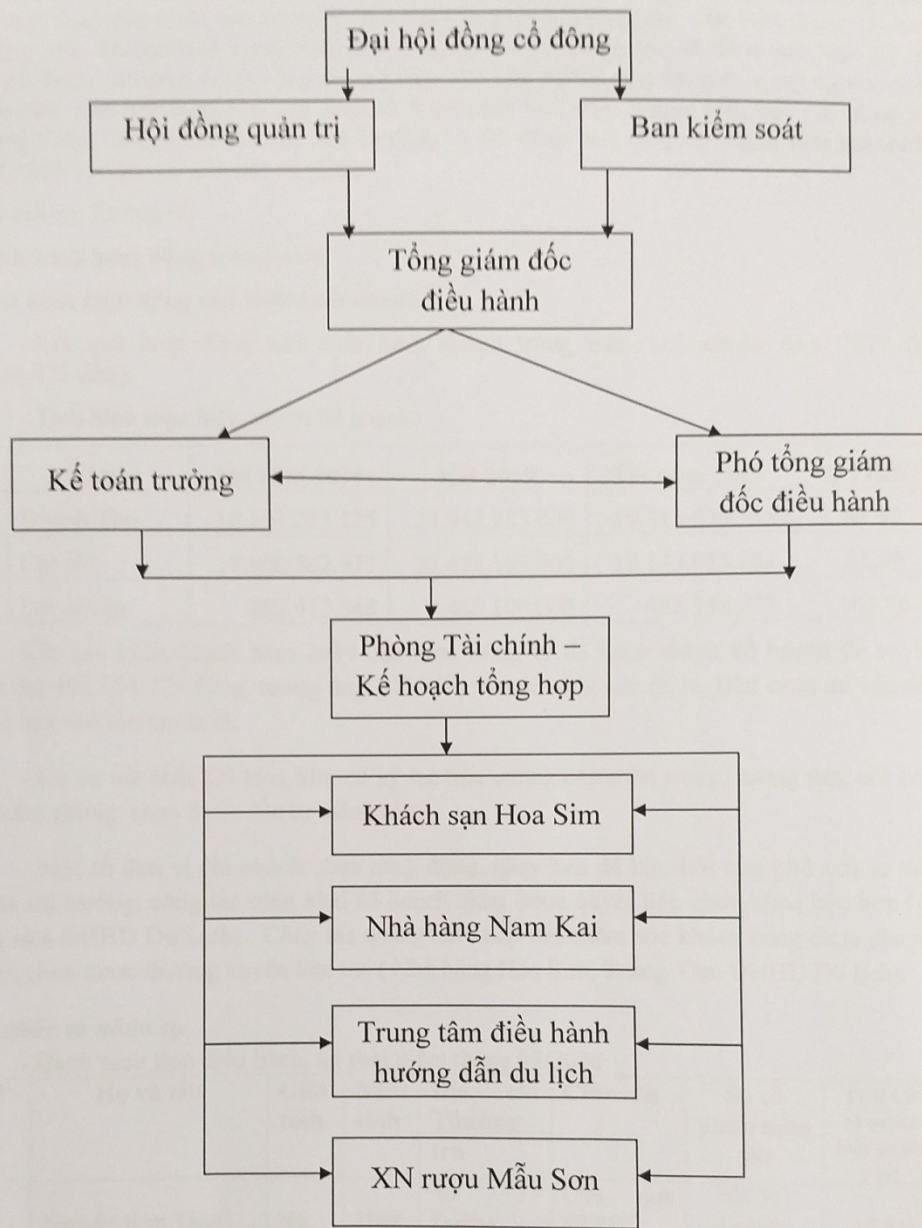
+ Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

+ Ban điều hành Công ty gồm:

Trước ngày 14/12/2019: Ban điều hành Công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 02 Phó tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

Từ ngày 14/12/2019: Ban điều hành công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng (lý do: Tổng giám đốc đương nhiệm xin nghỉ việc, Hội đồng quản trị đồng ý giải quyết đồng thời bổ nhiệm 01 phó Tổng giám đốc giữ chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 14/12/2019)

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình như sau:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển và mở rộng các thương hiệu sản phẩm dịch vụ của công ty, đảm bảo chất lượng sản phẩm, kinh doanh đạt kết quả cao, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, có lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Xây mới khách sạn Hoa Sim, nghiên cứu phát triển thêm một sản phẩm rượu Mẫu Sơn (rượu ngâm thảo dược).

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Mở rộng sản xuất kinh doanh thu hút lao động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, khi Công ty có lợi nhuận cao sẽ trích quỹ phúc lợi để tham gia được các hoạt động cộng đồng (xây nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ người nghèo, chất độc da cam, trao học bổng cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn nhưng hiếu học ...), và người lao động trong Công ty sẽ có việc làm ổn định và thu nhập cao, tăng nộp ngân sách nhà nước đầy đủ, đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

5. Các rủi ro: Không có

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận năm 2019 đạt 482.554.973 đồng.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2018	KH 2019	TH năm 2019	% TH/KH
1	Doanh Thu	18.193.275.125	23.943.285.000	19.615.570.255	81,92
2	Chi phí	17.900.862.577	23.478.185.000	19.133.015.282	81,49
3	Lợi nhuận	292.412.548	465.100.000	482.554.973	103,76

Kết quả kinh doanh năm 2019 của toàn Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra, lợi nhuận đạt 482.554.973 đồng, tương ứng 103,76% so với kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế tồn tại đó là:

- Cơ sở vật chất KS Hoa Sim cũ kỹ lạc hậu xuống cấp trầm trọng, tường nứt, chi hoạt động cầm chừng, chưa được đầu tư nâng cấp;

- Một số đơn vị chi nhánh chưa năng động, nhạy bén để kịp thời ứng phó với sự thay đổi của thị trường, công tác triển khai kế hoạch chưa được quyết liệt, chưa khoa học hợp lý (Trung tâm ĐHHĐ Du Lịch) . Công tác quảng cáo, tiếp thị, chăm sóc khách hàng chưa chuyên nghiệp, chưa được thường xuyên liên tục (Nhà hàng Hoa Sim, Trung Tâm ĐHHĐ Du lịch).

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, tại thời điểm tháng 03/2020:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ Thường trú	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)
1	Nguyễn Kim Thảo	Nữ	1968	Số 77 Đường Ngô Quyền, Phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc điều hành	784.301 (người được ủy quyền đại diện nắm giữ cổ phần của Công ty TNHH Thảo Viên)	19,81
2	Đậu Trường Sinh	Nam	1974	Số 551, Đường Hùng	Ủy viên HĐQT, Tổng giám	14.700	0,37

				Vương, Thôn Mai Thành, Xã Mai Phan, TP Lạng Sơn	đốc điều hành kiêm giám đốc KS Hoa Sim		
3	Vũ Mộng Nương	Nữ	1968	Số 36, Đường Lê Hồng Phong, P. Tam Thanh, TP Lạng Sơn	UV HĐQT	82.000	2,07
4	Đỗ Thu Huyền	Nữ	1981	Số 7, Ngõ 2, đường Chu Văn An, P. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Trưởng ban kiểm soát	0	
5	Bế Thị Thu Hương	Nữ	1979	Tổ 5, khối 8, Phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn	Thành viên ban kiểm soát	500	0,01
6	Lê Văn Do	Nam	1974	Chi Mạc, Hoàng Đông, TP Lạng Sơn	Kế toán trưởng kiểm TP Tài chính - KHTH	500	0,01

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ngày 25/09/2019 Ông Phạm Đình Ban Tổng Giám đốc điều hành công ty xin nghỉ việc, ngày 02/12/2019 Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành đối với Ông Phạm Đình Ban kể từ ngày 14/12/2019 để giải quyết nghỉ việc theo nguyện vọng.

+ Ngày 14/12/2019 Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Đậu Trường Sinh là Phó tổng giám đốc công ty giữ chức vụ Tổng giám đốc điều hành.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 55 người, lao động có việc làm và thu nhập ổn định, được Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, được tạo điều kiện để tham gia các tổ chức Đảng, công đoàn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không
b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

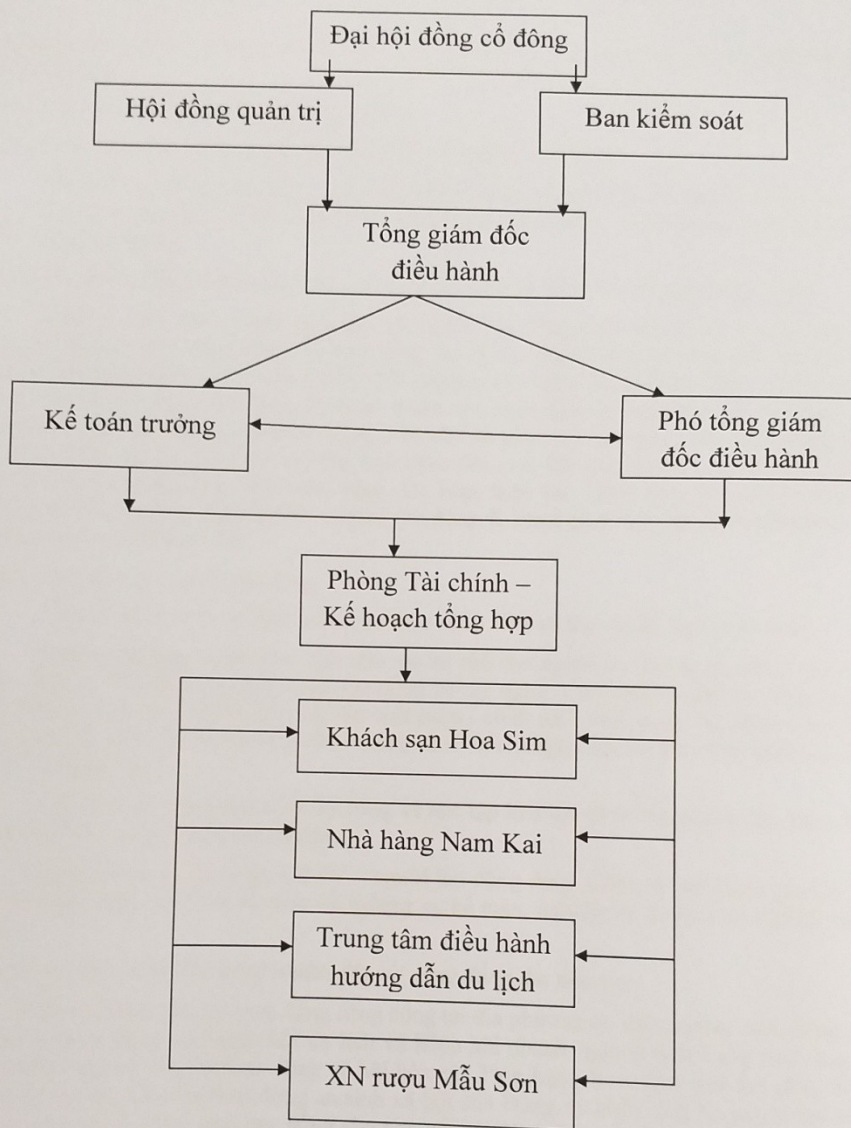
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng			

Tổng giá trị tài sản	108.363.079.245	108.767.767.230	Giảm 0,38%
Doanh thu thuần	16.445.450.635	17.205.662.063	Giảm 4,42%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	674.616.327	143.867.380	Tăng 36,90%
Lợi nhuận khác	-192.061.354	148.545.168	Giảm
Lợi nhuận trước thuế	482.554.973	292.412.548	Tăng 65,03%
Lợi nhuận sau thuế	482.554.973	292.412.548	Tăng 65,03%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	122	95	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	17.31	11.959	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/</u> Nợ ngắn hạn	15.31	6.652	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.62	0.62	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.59	1.629	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3.54	2.934	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.16	0.158	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.03	0.02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.02	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.01	0.003	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh	0.05	0.18	



- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển và mở rộng các thương hiệu sản phẩm dịch vụ của công ty, đảm bảo chất lượng sản phẩm, kinh doanh đạt kết quả cao, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, có lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Xây mới khách sạn Hoa Sim, nghiên cứu phát triển thêm một sản phẩm rượu Mẫu Sơn (rượu ngâm thảo dược).

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động của công ty đến thời điểm tháng 03/2020 là: 55 người. Đa số các lao động đều được đào tạo và đáp ứng được công việc được giao. Mức lương trung bình đạt 4.596.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động, lao động tuyển dụng được ký hợp đồng lao động, được công ty đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Người lao động trực tiếp đều được khám sức khỏe định kỳ một năm 01 một lần, môi trường làm việc bảo đảm an toàn lao động. Các chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện như thăm hỏi khi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất khi gia đình có người bệnh nặng, thăm hỏi tặng quà gia đình khó khăn bằng tiền hoặc hiện vật. Hàng năm phối hợp với công đoàn cơ sở đều tổ chức cho CBNV – người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm ở địa phương khác ít nhất là 01 lần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Công ty thường xuyên thực hiện đào tạo tại chỗ cho người lao động, cử cán bộ có trình độ cao hướng dẫn trực tiếp cho người lao động có tay nghề. Các ngành nghề tại công ty chủ yếu là buồng, bàn, bếp, lễ tân, bảo vệ, sản xuất rượu (chiết rót), bán hàng, lao động mới được tuyển dụng, số ngày đào tạo hướng dẫn thường từ 03 đến 5 ngày/người; lao động gián tiếp như kế toán 15 ngày/người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Trong quá trình làm việc CBNV – người lao động được Công ty cử tham gia các lớp tập huấn ngắn ngày do Tỉnh tổ chức về nghiệp vụ kế toán, nghiệp vụ du lịch và nghiệp vụ về lưu trú.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương do địa phương phát động như ủng hộ các hoạt động của Hiệp hội du lịch và Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lạng Sơn, ủng hộ Tết vì người nghèo; ủng hộ hoạt động xã hội hóa của Tỉnh Lạng Sơn, Quỹ mái ấm công đoàn, quỹ người tàn tật, Ủng hộ hoạt động an sinh xã hội của Đảng ủy khối, ủng hộ người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn; trao học bổng cho con em xã Công Sơn đỗ đại học và đang theo học tại các Trường đại học (Công ty ký cam kết tài trợ học bổng cho con em xã Công Sơn – Lạng Sơn thi đỗ và theo học đại học trong thời gian 10 năm giai đoạn 2013 – 2022, đây là vùng nguyên liệu chính Công ty đang ký hợp đồng mua rượu nguyên liệu để sản xuất Rượu Mấu Sơn); và các quỹ khác, tổng số tiền là 45.530.000đ,

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty: Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn hoạt động đa ngành nghề, các lĩnh vực chính như du lịch, dịch vụ khách sạn – nhà hàng, sản xuất rượu Mẫu Sơn v.v. Ngay từ đầu năm Ban giám đốc công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Hội đồng quản trị và thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã có định hướng, chiến lược phát triển công ty đúng đắn và lãnh đạo chỉ đạo các đơn vị chi nhánh thực hiện, kết quả kinh doanh năm 2019 của toàn Công ty đã có lãi 482.554.973 đồng, tương ứng 103,76% so với kế hoạch đề. Tuy nhiên cơ sở vật chất của một số đơn vị xuống cấp chưa được triển khai cáo tạo nâng cấp (KS Hoa Sim),

- Một số đơn vị chi nhánh chưa chủ động xây dựng giải pháp tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch. Chưa năng động, nhạy bén trong điều hành. Công tác quảng cáo tiếp thị, chăm sóc khách hàng của các đơn vị chi nhánh thiếu chuyên nghiệp, không thường xuyên liên tục.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Kết quả kinh doanh đã có lãi, hoàn thành kế hoạch kinh doanh, đạt 103,76% kế hoạch đề ra, chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ được ổn định nâng cao. Công tác an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm được bảo đảm, công tác phòng cháy chữa cháy được an toàn, an ninh trật tự được đảm bảo. Công ty tiêu chuẩn về an ninh trật tự.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tổng tài sản năm 2019 là 108.363.079.245 đồng (Một trăm linh tám tỷ ba trăm sáu mươi ba triệu không trăm chín bảy nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2019	2018	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	31.797	31.988	-191
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.027	2.351	-324
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.500	13.000	-9.500
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	22.269	11.826	10.443
	- Hàng tồn kho	4.001	4.808	-807
	- Tài sản ngắn hạn khác		1	
2	Tài sản dài hạn	76.565	76.779	-214
	Trong đó			
	- Phải thu dài hạn	800	800	0
	- Tài sản cố định	9.690	9.948	-258
	- Tài sản dở dang dài hạn	433	0	160
	- Tài sản đầu tư tài chính dài hạn	65.042	65.042	0
	- Tài sản dài hạn	597	826	-229
	Tổng tài sản	108.363	108.767	-404

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2019 là: 66.510.315.832 đồng (Sáu mươi sáu tỷ năm trăm mười triệu ba trăm mười lăm nghìn tám trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ ngắn hạn 1.837.493.935 đồng, nợ dài hạn

64.672.821.897 đồng (khoản nợ này là tiền đặt cọc khoản kinh doanh và khoản vay góp vốn vào Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn (nay là Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn) 4.050.000 USD. Bên vay là Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ("Tocolimex"), Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Khoản tiền vay này được chuyển vào tài khoản chuyên dùng của Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố Lạng Sơn phục vụ mục đích đền bù giải phóng mặt bằng khu đất của dự án liên doanh mà hai bên tham gia. Hoàn trả khoản vay: Kể từ khi Công ty Liên doanh quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả). Không có nợ xấu.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Thực hiện sắp xếp lại lao động bộ phận văn phòng công ty, tinh giảm biên chế, tiết kiệm chi phí. Đầu năm 2019 thực hiện sáp nhập phòng Tài chính kế toán và phòng Tổ chức kế hoạch thành phòng Tài chính kế hoạch tổng hợp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đầu tư xây dựng mới Khách sạn Hoa Sim đạt chuẩn 3 sao trở lên.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

Công ty thực hiện kinh doanh chính là khách sạn, nhà hàng, Du lịch trong nước và quốc tế; sản xuất rượu Mẫu Sơn. Công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường tại nơi ở, nơi làm việc và nơi đến và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tuyên truyền người lao động chấp hành nghiêm túc. Công ty chưa thực hiện được tiết kiệm điện, nước vì có nhiều khách thì khả năng tiêu thụ điện, nước lớn (dùng điều hòa phục vụ cho khách ăn, ngủ), Công ty thực hiện phân loại rác thải và đăng ký với Công ty môi trường thu gom theo quy định, công ty không bị xử lý vi phạm môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thực hiện đúng các quy định liên quan đến người lao động Theo Bộ luật lao động năm 2012 và Luật bảo hiểm xã hội, như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ phép, nghỉ lễ tết, tiền lương, lao động ký hợp đồng từ 3 tháng trở lên đều được công ty đóng các chế độ như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm TNL-ĐBNN, người lao động được tham gia các tổ chức đoàn thể như tổ chức đảng, tổ chức công đoàn. Thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ kinh phí cho người lao động gặp khó khăn đột xuất, tổ chức các hoạt động giao lưu văn nghệ, tổ chức cho người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm nhân dịp ngày 08/3, 20/10, dịp hè ... tổ chức cho con em cán bộ vui tết thiếu nhi 1/6, tết trung thu ... tạo không khí phấn khởi trong người lao động, tái tạo sức lao động để cống hiến cho công ty góp phần vào sự phát triển của Công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm Công ty trao học bổng cho 04 cháu tại Xã Công Sơn đang học đại học mỗi cháu 3.000.000 đ, tổng là 12.000.000đ (Công ty đã ký Bản giao ước với Xã Công Sơn – Huyện cao Lộc – Tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn từ 2013-2023 (thời gian thực hiện 10 năm) là nơi nguồn nguyên liệu Rượu Mẫu Sơn của Công ty, hàng năm nếu con em của Xã Công Sơn đỗ đại học thì Công ty sẽ cấp học bổng và thưởng cho cháu học giỏi hàng năm cho các em học đến khi ra trường). Các hoạt động xã hội từ thiện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn Công ty đóng góp năm 2019 là 33.530.000 đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, đã có nhiều chuyển biến, trong công tác quản lý điều hành đã có sự thống nhất cao. Sản phẩm dịch vụ của công ty đạt chất lượng, ổn định đã đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Về nhân sự: Tháng 02/2019 có 01 thành viên Ban kiểm soát đồng thời là Trưởng phòng Tổ chức – KHTH xin nghỉ việc; Tháng 12/2019 Tổng giám đốc điều hành xin nghỉ việc, hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 Phó tổng giám đốc giữ chức vụ Tổng giám đốc điều hành từ ngày 14/12/2019.

- Về sản xuất kinh doanh: Kết quả kinh doanh năm 2019 của toàn Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra, lợi nhuận đạt 482.554.973 đồng, tương ứng 103,76% so với kế hoạch đề ra. Nhưng còn tồn tại một số hạn chế yếu kém đó là: Một số đơn vị chi nhánh chưa năng động, nhạy bén để kịp thời ứng phó với sự thay đổi của thị trường, công tác triển khai kế hoạch chưa được quyết liệt, chưa khoa học hợp lý (Trung tâm ĐHHĐ Du Lịch) . Công tác quảng cáo, tiếp thị , chăm sóc khách hàng chưa chuyên nghiệp, chưa được thường xuyên liên tục (Nhà hàng Hoa Sim, Trung Tâm ĐHHĐ Du lịch). Khách sạn Hoa Sim cơ sở vật chất đã xuống cấp, lạc hậu, kinh doanh cầm chừng, công tác đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất Khách sạn Hoa Sim chưa được triển khai do thay đổi phương án đầu tư cải tạo, nâng cấp khách sạn thành phương án đầu tư xây mới khách sạn.

- Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với môi trường, điển hình là trong năm không bị xử lý vi phạm về môi trường. Đối với xã hội Công ty thực hiện tốt các hoạt động do địa phương phát động như ủng hộ các hoàn cảnh kém may mắn và các hoạt động cộng đồng do địa phương phát động bằng tiền và duy trì việc trao học bổng cho con em xã Công Sơn thi đỗ và đang học đại học ...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2019 Ban giám đốc điều hành công ty cơ bản đã tổ chức điều hành hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ quy định. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Chủ động tham mưu với HĐQT về phương án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty theo hướng tinh, gọn và hiệu quả. Tham mưu cho HĐQT về phương án đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất. Tổ chức điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD hoàn thành kế hoạch, kết quả kinh doanh có lãi 482.554.973 đồng. Lương và các chế độ của người lao động được thực hiện đúng quy định, việc làm và thu nhập của người lao động ổn định, tạo môi trường thuận lợi để người lao động yên tâm công tác.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí không phù hợp. Tiếp tục sửa đổi bổ sung quy chế quản trị công ty, nội quy quy chế phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, nâng cao trình độ quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty.

Duy trì các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị hoặc họp bất thường để đưa ra các chiến lược định hướng phát triển công ty, đánh giá hoạt động điều hành của Ban giám đốc và các chi nhánh trực thuộc đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu đề ra.

Duy trì chế độ thông tin báo cáo, thông tin minh bạch, công khai tình hình quản trị công ty cho các cổ đông, cho nhà đầu tư và các cơ quan chức năng, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.

Tiếp tục duy trì chính sách phát triển nguồn nhân lực, đào tạo bổ sung cán bộ quản lý kế cận, ổn định việc làm, thu nhập, đời sống và thực hiện các chế độ theo quy định cho người lao động trong công ty, có chính sách thu hút người tài vào làm việc cho công ty.

Đầu tư xây dựng mới Khách sạn Hoa Sim đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên ; phát triển thương hiệu Tocolimex, thương hiệu rượu Mẫu Sơn, các sản phẩm dịch vụ nhà hàng, du lịch. Giữ gìn môi trường Xanh – Sạch – Đẹp; tham gia các hoạt động cộng đồng và xã hội do địa phương tổ chức.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Thành viên hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2019 và đến thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT	784.301 <small>(người được ủy quyền đại diện nắm giữ phần vốn của Công ty TNHH Thảo Viên)</small>	19,81	- Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH Thảo Viên - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
2	Đậu Trường Sinh	Ủy viên HĐQT	14.700	0,37	Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	82.000	2,07	Thành viên độc lập không điều hành (Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Ngày tháng năm họp	Nội dung	Kết quả
1.	28/01/2019	Họp Hội đồng quản trị: Giải quyết đơn xin nghỉ việc, đơn xin từ nhiệm chức vụ Ủy viên ban kiểm soát của Ông Bé Ngọc Tú; Sáp nhập phòng tài chính kế toán với phòng Tổ chức kế hoạch tổng hợp thành phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp; Miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng TCKT đối với Ông Lê Văn Do và bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính – KHTH.	Biên bản số 02-BB/HĐQT ngày 28/01/2019
		Nghị quyết v/v thanh lý hợp đồng lao động, miễn nhiệm chức danh ủy viên Ban kiểm soát đối với Ông Bé Ngọc Tú.	Nghị quyết số 03-NQ/HĐQT ngày 28/01/2019
		Nghị quyết v/v Sáp nhập phòng tài chính kế toán với phòng Tổ chức kế hoạch tổng hợp thành phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp; Bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tài chính – KHTH.	Nghị quyết số 04-NQ/HĐQT ngày 28/01/2019
		Quyết định v/v Sáp nhập phòng tài chính kế toán	Quyết định số 05-

		với phòng Tổ chức kế hoạch tổng hợp thành phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp	/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2019
2.	15/03/2019	Họp Hội đồng quản trị: Chốt danh sách cổ đông để đại hội thường niên năm 2019; thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; thành lập ban tổ chức, ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội, các tiểu ban phục vụ đại hội đồng cổ đông năm 2019.	Biên bản số 06-BB/HĐQT ngày 15/03/2019
		Nghị quyết v/v tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019	Nghị quyết số 07-NQ/HĐQT ngày 15/03/2019
		Quyết định thành lập thành lập ban tổ chức, ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội, các tiểu ban phục vụ đại hội đồng cổ đông năm 2019	Quyết định số 07A-QĐ/HĐQT ngày 15/03/2019
3.	18/03/2019	Họp Hội đồng quản trị: Phê duyệt mua xe ô tô mới nhãn hiệu NISSAN X-TRAIIV-SETIES 2.5 LUXURY	Biên bản số 08-BB/HĐQT ngày 18/03/2019
4.	10/04/2019	Họp Hội đồng quản trị: Thông qua các nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019	Biên bản số 09-BB/HĐQT ngày 10/04/2019
5.	19/04/2019	Họp Hội đồng quản trị: Xem xét chấp thuận bổ sung nội dung thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019	Biên bản số 14-BB/HĐQT ngày 19/04/2019
		Nghị quyết v/v bổ sung nội dung: Thông qua phương án đầu tư khách sạn Hoa Sim vào nội dung chương trình Đại hội của Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019	Nghị quyết số 15-NQ/HĐQT ngày 19/04/2019
6.	04/05/2019	Họp Hội đồng quản trị: V/v sửa đổi điều lệ công ty (theo NQ ĐHĐ cổ đông thường niên 2019)	Biên bản số 18-BB/HĐQT ngày 04/05/2019
		Quyết định sửa đổi điều lệ Công ty	QĐ -19/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2019
7.	25/06/2019	Họp Hội đồng quản trị: v/v gia hạn cho Công ty TNHH Thảo viên vay tiền	Biên bản số 20-BB/HĐQT ngày 25/06/2019
		Nghị quyết của HĐQT v/v gia hạn cho Công ty TNHH Thảo Viên vay tiền	Nghị quyết số 21-NQ/HĐQT ngày 25/06/2019
8.	04/09/2019	Họp Hội đồng quản trị: v/v Ban hành Quy chế công bố thông tin	Biên bản số 23-BB/HĐQT ngày 04/09/2019
		Quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn	Quyết định số 24/QĐ-DL, ngày 04/09/2019
9.	23/09/2019	Họp Hội đồng quản trị: Thông qua chủ trương đổi mới nhân sự Ban giám đốc điều hành	Biên bản số 25-BB/HĐQT ngày 23/09/2019
10.	26/09/2019	Họp Hội đồng quản trị: giải quyết đơn xin nghỉ việc của Ông Phạm Đình Ban – Tổng giám đốc điều hành công ty	Biên bản số 26-BB/HĐQT ngày 26/09/2019
11.	04/11/2019	Họp Hội đồng quản trị: điều chỉnh phương án xây	Biên bản số 27-

		dựng khách sạn Hoa Sim và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán riêng lẻ năm 2018	BB/HĐQT ngày 04/11/2019
		Nghị quyết v/v điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán riêng lẻ năm 2018	Nghị quyết số 28-NQ/HĐQT ngày 05/11/2019
12.	11/11/2019	Họp Hội đồng quản trị: v/v điều chỉnh loại chứng khoán của người sở hữu chứng khoán	Biên bản số 29-BB/HĐQT ngày 11/11/2019
		Nghị quyết v/v điều chỉnh loại chứng khoán từ “chứng khoán hạn chế chuyển nhượng” sang “chứng khoán tự do chuyển nhượng”	Nghị quyết số 30-NQ/HĐQT ngày 11/11/2019
13.	02/12/2019	Họp Hội đồng quản trị: Bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành	Biên bản số 31-BB/HĐQT ngày 02/12/2019
		Nghị quyết v/v bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành (Ông Đậu Trường Sinh)	Nghị quyết số 32-NQ/HĐQT ngày 02/12/2019
		Quyết định v/v v/v bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành	Nghị quyết số 33-NQ/HĐQT ngày 02/12/2019
		Nghị quyết v/v Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành (Ông Phạm Đình Ban)	Nghị quyết số 34-NQ/HĐQT ngày 02/12/2019
		Nghị quyết v/v thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty	Nghị quyết số 35-NQ/HĐQT ngày 05/12/2019
14.	25/12/2019	Họp Hội đồng quản trị: v/v xem xét phê duyệt kết quả xếp loại lao động, thi đua khen thưởng, tiền lương, ký hợp đồng lao động năm 2019.	Nghị quyết số 39-NQ/HĐQT ngày 25/12/2019

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Đỗ Thu Huyền	Trưởng ban kiểm soát	0	0	
2	Bế Thị Thu Hương	Ủy viên ban kiểm soát	500	0,01	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát : Năm 2019 Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định như:

Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các đơn vị chi nhánh trực thuộc Công ty trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Kiểm soát việc triển khai thực hiện công tác hạch toán kế toán, giám sát quy trình quản lý tài chính, đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo sơ kết quả của Công ty

Trong năm Ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị (như nêu tại mục c.1.V)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích đến thời điểm 31/12/2019:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Lợi ích	Cộng
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm phó tổng giám đốc	194.696.770,	0	0	0	194.696.770,
2	Đậu Trường Sinh	UV HĐQT, Phó tổng giám đốc, thư ký công ty, kiêm giám đốc KS Hoa Sim	195.668.008,				195.668.008,
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	18.000.000,	0	0	0	18.000.000,
4	Đỗ Thu Huyền	Ủy viên BKS	21.852.875,	0	0	0	21.852.875,
5	Bế Ngọc Tú	Ủy viên BKS, Trưởng phòng TC-KHTH	9.641.292,	0	0	0	9.641.292,
6	Bế Thị Thu Hương	Ủy viên BKS	117.424.155,				117.424.155,
7	Phạm Đình Ban	Tổng giám đốc điều hành	191.359.615,	0	0	0	191.359.615,
8	Lê Văn Do	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT	143.731.730,	0	0	0	143.731.730,
	Tổng cộng		892.374.445				892.374.445

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ :

Trong năm 2019 cổ đông nội bộ không hiện giao dịch mua, bán cổ phần.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Ngày 25/06/2019 Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết gia hạn cho công ty THHH Thảo Viên vay tiền kể từ ngày đáo hạn đến 31/12/2019, lãi suất cho vay 9,5% (Giám đốc của Công ty THHH Thảo Viên là Bà Nguyễn Kim Thảo đồng thời là Chủ tịch HĐQT, phó tổng giám đốc của Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn).

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện theo quy định. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo cơ quan chức năng định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện công bố thông tin bất thường, định kỳ trên trang điện tử của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và trang điện tử của Công ty đúng quy định.

VI. Báo cáo tài chính

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn tại ngày 31/12/2019,

cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K

Giám đốc

Kiểm toán viên

Đã ký

Từ Quỳnh Hạnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán viên số: 0313-2018-045-1

Đã ký

Nguyễn Tiến Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán viên số: 1706-2018-045-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Mẫu số: B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		31.797.932.987	31.988.455.569
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.027.633.679	2.351.657.029
1. Tiền	111	V.01a	2.027.633.679	2.351.657.029
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.500.000.000	13.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a1	3.500.000.000	13.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.269.158.204	11.826.598.957
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	842.876.000	1.024.526.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04a	584.348.000	1.001.398.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.02a2	18.500.000.000	9.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	2.341.934.204	800.674.957
IV. Hàng tồn kho	140		4.001.141.104	4.808.870.039
1. Hàng tồn kho	141	V.06	4.001.141.104	4.808.870.039
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		0	1.329.544
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	0	1.329.544
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		76.565.146.258	76.779.311.661
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		800.000.000	800.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	800.000.000	800.000.000
II- Tài sản cố định	220		9.690.772.161	9.948.560.735
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.690.772.161	9.948.560.735
- Nguyên giá	222		25.398.291.565	24.659.716.532
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.707.519.404)	(14.711.155.797)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	0	0
- Nguyên giá	228		97.500.000	97.500.000

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(97.500.000)	(97.500.000)
III- Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		433.672.273	160.945.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10b	433.672.273	160.945.000
V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		65.042.821.897	65.042.821.897
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02b2	64.622.821.897	64.622.821.897
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.02b1	420.000.000	420.000.000
VI- Tài sản dài hạn khác	260		597.879.927	826.984.029
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	597.879.927	826.984.029
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		108.363.079.245	108.767.767.230

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		66.510.315.832	67.397.558.790
I. Nợ ngắn hạn	310		1.837.493.935	2.674.736.893
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	28.478.818	1.204.856.183
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	27.532.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	218.710.213	265.784.513
4. Phải trả người lao động	314		254.991.051	222.336.143
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13a	575.454.545	575.454.546
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	558.689.717	172.603.917
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	185.000.000	185.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.169.591	21.169.591
II- Nợ dài hạn	330		64.672.821.897	64.722.821.897
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	50.000.000	100.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	64.622.821.897	64.622.821.897
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		41.852.763.413	41.370.208.440
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	41.852.763.413	41.370.208.440
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		39.579.000.000	39.579.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		39.579.000.000	39.579.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(91.210.454)	(91.210.454)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.095.147.734	4.095.147.734
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.730.173.867)	(2.212.728.840)
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421A		(2.212.728.840)	(2.505.141.388)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		482.554.973	292.412.548
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		108.363.079.245	108.767.767.230

Mẫu số: B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	16.445.450.635	17.205.662.063
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.445.450.635	17.205.662.063
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	14.161.497.702	14.108.312.870
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.283.952.933	3.097.349.193
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	1.935.113.610	750.688.260
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	5.300.000	5.300.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.300.000	5.300.000
8. Chi phí bán hàng	24	VI.21	1.191.363.026	1.211.716.432
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.22	2.347.787.190	2.487.153.641
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		674.616.327	143.867.380
11. Thu nhập khác	31	VI.23	1.235.006.010	236.924.802
12. Chi phí khác	32	VI.24	1.427.067.364	88.379.634
13. Lợi nhuận khác	40		(192.061.354)	148.545.168
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		482.554.973	292.412.548
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		482.554.973	292.412.548
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	122	95
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Mẫu số: B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	18.271.645.699	18.081.270.954
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(13.012.848.259)	(14.571.687.549)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.151.082.340)	(3.297.806.648)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.986.366.132	6.415.466.195
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.357.704.661)	(5.198.565.147)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>736.376.571</i>	<i>1.428.677.805</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các loại TSDH khác	21	(1.514.229.640)	(679.589.255)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.600.000.000)	(25.420.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	26.600.000.000	4.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	453.829.719	750.688.260
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(1.060.399.921)</i>	<i>(21.348.900.995)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	0	10.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	185.000.000	185.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(185.000.000)	(67.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>0</i>	<i>10.118.000.000</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(324.023.350)	(9.802.223.190)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.351.657.029	12.153.880.219
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.027.633.679	2.351.657.029

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn sau đây (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/12/2019.

Vốn điều lệ của Công ty là: 39.579.000.000 đồng (*Ba mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn*)

<u>Cơ cấu vốn điều lệ</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty TNHH Thảo Viên	11.843.010.000	29,92%
Vốn của Nhà đầu tư nước ngoài	8.237.600.000	20,81%
Vốn của các cổ đông khác	<u>19.498.390.000</u>	<u>49,26%</u>
Cộng:	39.579.000.000	100%

Công ty có trụ sở tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty: Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; sản xuất rượu

3. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- ❖ Đại lý du lịch (*mã ngành 7911 Chính*);
- ❖ Điều hành tua du lịch (*mã ngành 7912*);
- ❖ Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (*mã ngành 1101*);
- ❖ Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (*mã ngành 4723*);
- ❖ Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu (*mã ngành 8699*);
- ❖ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giặt là (*mã ngành 5510*);
- ❖ Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Phòng hát karaoke và kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thường dành cho người nước ngoài) (*mã ngành 9329*);
- ❖ Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm (*mã ngành 7810*);
- ❖ Bán buôn thực phẩm (*mã ngành 4632*).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, gồm:

- Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn, có địa chỉ tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Khách sạn Hoa Sim Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn, có địa chỉ tại: Số 1A đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn;
- Xí nghiệp Rượu Mấu Sơn Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn, có địa chỉ tại: Số 88 đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn;
- Nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn, có địa chỉ tại: Số 53 Lương Văn Chi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn.

6. Nhân viên

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty có 54 nhân viên chính thức làm việc

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

1.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng

tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu của khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Tài sản cố định

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian trích khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

❖ Nhà cửa, vật kiến trúc:	05 – 45 năm
❖ Máy móc thiết bị:	03 – 20 năm
❖ Phương tiện vận tải truyền dẫn:	06 – 08 năm
❖ Tài sản cố định khác:	04 – 25 năm
❖ Phần mềm quản lý:	05 năm

5. Các khoản đầu tư tài chính

5.1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá thực tế mua.

5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản Công ty góp vốn bằng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn, (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn). Nguồn tài trợ 100% cho khoản vốn góp này là khoản vay 4.050.000 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám đốc Công đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào nên không trích lập dự phòng.

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- ✓ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;

- ✓ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ✓ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy theo số tiền thực tế thu được. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ✓ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở hàng chuyển giao, dịch vụ đã hoàn thành và người mua chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền. Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu hoạt động từ khách sạn nhà hàng, dịch vụ du lịch, hoạt động thương mại và sản xuất kinh doanh rượu mẫu sơn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả

được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Các loại thuế khác: Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với hoạt động kinh doanh nhà hàng khách sạn, hướng dẫn du lịch, kinh doanh rượu mầu sơn là 10%.

Công ty áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ trở lên.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với bên liên quan được trình bày trong phần thông tin khác của Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

01a. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt VND	883.710.274	1.015.482.826
Tiền gửi Ngân hàng VND	1.143.923.405	1.336.174.203
- Vietinbank chi nhánh Lạng Sơn	11.810.004	221.830.861
- Vietcombank chi nhánh Lạng Sơn	87.551.639	1.978.373
- BIDV chi nhánh Lạng Sơn	1.044.561.762	1.112.364.969
Cộng	2.027.633.679	2.351.657.029

02. Các khoản đầu tư tài chính

02a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

02a.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn:	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị gốc</u>	<u>Giá ghi sổ</u>	<u>Giá trị gốc</u>	<u>Giá ghi sổ</u>
Tại BIDV chi nhánh Lạng Sơn ⁽¹⁾	500.000.000	500.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Tại Vietinbank chi nhánh Lạng Sơn	0	0	1.000.000.000	1.000.000.000
Tại Vietcombank CN Lạng Sơn ⁽²⁾	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.500.000.000	3.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000

⁽¹⁾ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2018/704627/HDTG ngày 09/03/2018; Giá trị tiền gửi: 500.000.000 đồng; kỳ hạn 6 tháng; lãi suất 6%/năm. Hợp đồng được tái tục chuyển sang kỳ hạn mới tương ứng khi 2 bên không có thỏa thuận khác.

⁽²⁾ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 28/05/2019 ngày 28/05/2019; kỳ hạn 6 tháng; lãi suất 5,7%/năm.

02a.2 Cho vay

Công ty TNHH Thảo Viên vay ⁽³⁾	Giá trị gốc		Giá ghi sổ	
	Giá trị gốc	Giá ghi sổ	Giá trị gốc	Giá ghi sổ
	18.500.000.000	18.500.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	18.500.000.000	18.500.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000

⁽³⁾ Hợp đồng cho vay tiền ngày 24/12/2018, số tiền cho vay 6.000.000.000 đồng, thời gian cho vay 6 tháng, lãi suất 9,5%/năm. Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/12/2018; số tiền cho vay 3.000.000.000 đồng, thời gian cho vay 6 tháng, lãi suất 9,5%/năm; Hợp đồng vay tiền ngày 07/01/2019, số tiền cho vay 2.500.000.000 đồng, thời gian cho vay 6 tháng, lãi suất 9,5%/năm. Hợp đồng vay tiền ngày 28/01/2019, số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng, thời gian cho vay 6 tháng, lãi suất 9,5%/năm. Hợp đồng vay tiền ngày 30/07/2019, số tiền cho vay 5.000.000.000 đồng, thời gian cho vay 6 tháng, lãi suất 9,5%/năm. Bên vay trả lãi vay cùng gốc khi tới hạn.

Phụ lục hợp đồng vay tiền ngày 31/12/2019, Công ty gia hạn toàn bộ các khoản vay nêu trên đến ngày 30/09/2020.

02b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá ghi sổ	Giá trị gốc	Giá ghi sổ
Mua trái phiếu của ngân hàng BIDV ⁽⁴⁾	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000
Cộng	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000

⁽⁴⁾ Số lượng trái phiếu: 42 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 VND/trái phiếu; Kỳ hạn trái phiếu: 7 năm; Lãi suất trái phiếu: bằng lãi suất tham chiếu + 0,8%.

02a.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Góp vốn vào Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn ⁽⁵⁾	64.622.821.897	0	64.622.821.897	64.622.821.897	0	64.622.821.897
Cộng	64.622.821.897	0	64.622.821.897	64.622.821.897	0	64.622.821.897

⁽⁵⁾ Công ty góp vốn bằng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn), có địa chỉ tại: Xã Hoàng Đông, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn tài trợ cho khoản vốn góp này là khoản vay 4.050.000 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên bảo lãnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Theo đó, Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám đốc Công đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào trong quá trình thực hiện dự án liên doanh nên không trích lập dự phòng.

03. Phải thu khách hàng		
03a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trường CĐSP Lạng Sơn	75.195.000	96.680.000
Chi Cục Dân số KHHGD tỉnh Lạng Sơn	106.600.000	0
Công ty TNHH Trọng Tín	40.860.000	27.300.000
Công ty CP Dược phẩm VTYT Lạng Sơn	120.450.000	0
BQL Dự án Y tế Lạng Sơn	7.560.000	80.890.000
Công ty CP Đầu tư XD và PT Du lịch Lạng Sơn	0	52.560.000
Sở GD Đào tạo Lạng Sơn	115.828.000	46.289.000
BQL Dự án sáng kiến khu vực	34.160.000	0
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn	28.450.000	0
Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn	44.490.000	0
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	269.283.000	720.807.000
Cộng	842.876.000	1.024.526.000

04. Trả trước người bán ngắn hạn		
Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Kiến trúc ATH	90.000.000	90.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư CGCN cao ICT	0	200.000.000
Trả trước tiền mua rượu nguyên liệu	494.348.000	711.398.000
Cộng	584.348.000	1.001.398.000

05. Phải thu khác				
05a. Phải thu khác ngắn hạn	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Chi tiết gồm:	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	840.033.891	0	0	0
Công ty TNHH Thảo viên (phải thu lãi vay tiền)	840.033.891	0	0	0
Phải thu ngắn hạn khác đối tượng khác	1.501.900.313	0	800.674.957	0
Thuế Tiêu thụ đặc biệt nguyên liệu rượu đầu vào	761.705.113	0	599.933.757	0
Nguyễn Thị Thùy tạm ứng	740.000.000	0	0	0
Triệu Thị Tâm tạm ứng	0	0	200.000.000	0
Phải thu ngắn hạn khác	195.200	0	741.200	0
Cộng	2.341.934.204	0	800.674.957	0

05b. <i>Phải thu khác dài hạn</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi tiết gồm:				
Ký quỹ hoạt động du lịch lữ hành quốc tế	500.000.000	0	500.000.000	0
Ký quỹ hoạt động kinh doanh dịch vụ việc làm	300.000.000	0	300.000.000	0
Cộng	800.000.000	0	800.000.000	0

06. <i>Hàng tồn kho</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi tiết gồm:				
Nguyên vật liệu	3.607.846.528	0	3.179.562.497	0
Thành phẩm nhập kho	318.395.476	0	276.762.201	0
Hàng hóa	74.899.100	0	1.352.545.341	0
Cộng	4.001.141.104	0	4.808.870.039	0

07. **Chi phí trả trước**

07a. <i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	0	1.329.544
Cộng	0	1.329.544

07b. <i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi tiết gồm:		
Bàn tròn sơn tĩnh điện (Khách sạn Hoa Sim)	0	45.750.000
Ghế nhà hàng (Khách sạn Hoa Sim)	0	67.886.364
Sửa chữa nhà vòm (Khách sạn Hoa Sim)	0	81.125.910
Thiết bị âm thanh (Khách sạn Hoa Sim)	0	19.410.834
CCDC bếp (Khách sạn Hoa Sim)	0	25.953.500
CCDC xuất dùng, sửa chữa TSCĐ khác	597.879.927	586.857.422
Cộng	597.879.927	826.984.029

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	21.471.121.424	2.202.157.008	851.950.464	134.487.636	24.659.716.532
- Mua trong năm		392.701.818	1.059.214.546		1.451.916.364
- Thanh lý, nhượng bán				(134.487.636)	(134.487.636)
- Giảm khác (*)	(578.853.695)				(578.853.695)
Số dư cuối năm	20.892.267.729	2.594.858.826	1.911.165.010	0	25.398.291.565
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.349.625.973	1.861.933.932	373.766.228	125.829.664	14.711.155.797
- Khấu hao trong năm	1.353.375.691	63.202.797	188.960.913	2.597.406	1.608.136.807
- Giảm khác (*)	(483.346.130)			(128.427.070)	(611.773.200)
Số dư cuối năm	13.219.655.534	1.925.136.729	562.727.141	0	15.707.519.404
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	9.121.495.451	340.223.076	478.184.236	8.657.972	9.948.560.735
- Tại ngày cuối năm	7.672.612.195	669.722.097	1.348.437.869	0	9.690.772.161

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình 97.500.000 đồng là Phần mềm kế toán phát sinh từ năm 2005, hiện đã hết khấu hao.

10. Tài sản dở dang dài hạn

10b. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Công trình: Khách sạn Hoa Sim	<u>Số cuối năm</u> 433.672.273	<u>Số đầu năm</u> 160.945.000
Cộng	<u>433.672.273</u>	<u>160.945.000</u>

11. Phải trả người bán

11a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty TNHH Mậu dịch Thụy Hưng, huyện Ninh Minh	0	0	1.121.565.319	1.121.565.319
Phải trả người bán ngắn hạn khác	28.478.818	28.478.818	83.290.864	83.290.864
Cộng	<u>28.478.818</u>	<u>28.478.818</u>	<u>1.204.856.183</u>	<u>1.204.856.183</u>

12. Thuế các khoản phải nộp nhà nước

12a. Phải nộp

Chi tiết gồm:	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	167.302.736	1.024.868.608	1.028.057.059	164.114.285
Thuế tiêu thụ đặc biệt	89.731.844	764.642.682	802.080.977	52.293.549
Thuế thu nhập cá nhân	8.749.933	6.628.120	13.075.674	2.302.379
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	706.329.079	706.329.079	0
Các loại thuế khác	0	13.270.874	13.270.874	0
Cộng	265.784.513	2.515.739.363	2.562.813.663	218.710.213

13. Doanh thu chưa thực hiện

13a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT trả trước tiền thuê địa điểm kinh doanh	450.000.000	450.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga trả trước tiền thuê địa điểm kinh doanh	125.454.545	125.454.546
Cộng	<u>575.454.545</u>	<u>575.454.546</u>

14. Phải trả khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	121.835.340	121.835.340
Bà Nguyễn Tiểu Mai (cổ tức 2015)	113.287.500	113.287.500
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (cổ tức 2015)	8.547.840	8.547.840
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	436.854.377	50.768.577
Cổ tức phải trả các cổ đông	50.027.377	50.027.377
Phải trả khác	386.827.000	741.200
Cộng	<u>558.689.717</u>	<u>172.603.917</u>

14b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Nguyễn Thị Nga - Ký quỹ thuê địa điểm KD	50.000.000	100.000.000
Cộng	<u>50.000.000</u>	<u>100.000.000</u>

15. Vay và nợ thuê tài chính

15a. Vay ngắn hạn ^(*)

Chi tiết vay:	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Lê Như Quỳnh	0		0	85.000.000	85.000.000	85.000.000
Bùi Thị Phương Mai	0		0	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Trần Đức Hương	185.000.000	185.000.000	185.000.000			
Cộng	185.000.000	185.000.000	185.000.000	185.000.000	185.000.000	185.000.000

(*) Các khoản vay cá nhân có thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 0%.

15a. Vay dài hạn

Chi tiết vay:	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn ⁽⁶⁾	64.622.821.897	64.622.821.897	0	0	64.622.821.897	64.622.821.897
Cộng	64.622.821.897	64.622.821.897	0	0	64.622.821.897	64.622.821.897

⁽⁶⁾ Vay góp vốn vào Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn (nay là Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn) 4.050.000 USD. Bên vay là Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ("Tocolimex"), Bên bảo lãnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Khoản tiền vay này được chuyển vào tài khoản chuyên dùng của Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố Lạng Sơn phục vụ mục đích đền bù giải phóng mặt bằng khu đất của dự án liên doanh mà hai bên tham gia. Hoàn trả khoản vay: Kể từ khi Công ty Liên doanh quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả.

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	29.579.000.000	(91.210.454)	3.253.484.976	32.741.274.522
- Lãi trong năm trước			292.412.548	292.412.548
- Tăng khác	10.000.000.000			10.000.000.000
- Giảm khác			(1.663.478.630)	(1.663.478.630)
Số dư đầu năm nay	39.579.000.000	(91.210.454)	1.882.418.894	41.370.208.440
- Lãi trong năm			482.554.973	482.554.973
Số dư cuối năm nay	39.579.000.000	(91.210.454)	2.364.973.867	41.852.763.413

16b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty TNHH Thảo Viên	11.843.010.000	29,92%	11.843.010.000	29,92%
Vốn góp của Nhà đầu tư nước ngoài ⁽⁷⁾	8.237.600.000	20,81%	8.237.600.000	20,81%
Vốn góp của các cổ đông khác	19.498.390.000	49,26%	19.498.390.000	49,26%
Cộng	39.579.000.000	100,0%	39.579.000.000	100,0%

⁽⁷⁾ Bao gồm: Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn; địa chỉ Xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; vốn góp 537.600.000 đồng. Công ty TNHH Vui chơi giải trí và Du lịch Thái Dương; địa chỉ Khu 2, Tân Thành, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; vốn góp 200.000.000 đồng. Bà Nguyễn Tiểu Mai (nhận thừa kế từ Ông Nguyễn Chính Nghĩa) quốc tịch Đài Loan, vốn góp 7.500.000.000 đồng.

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
+ Vốn góp đầu năm	39.579.000.000	29.579.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	10.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	39.579.000.000	39.579.000.000

16d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	4.095.147.734	4.095.147.734

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

17. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán các sản phẩm rượu	1.405.344.348	1.900.121.080
Doanh thu dịch vụ lữ hành du lịch	2.778.091.535	2.527.206.269
Doanh thu nhà hàng, khách sạn	10.647.546.589	11.162.546.844
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh, khác	1.614.468.163	1.615.787.870
Cộng	16.445.450.635	17.205.662.063

18. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán các sản phẩm rượu	1.491.118.336	1.600.979.569
Giá vốn hàng bán dịch vụ du lịch lữ hành	2.772.110.881	2.240.261.840
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn	9.027.165.195	9.761.021.461
Giá vốn hoạt động cho thuê địa điểm kinh doanh, khác	871.103.290	506.050.000
Cộng	14.161.497.702	14.108.312.870

19. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi cho vay vốn	453.829.719	750.688.260
	1.481.283.891	0
Cộng	1.935.113.610	750.688.260
20. Chi phí tài chính		
Lãi ký quỹ thuê ki ốt kinh doanh	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	5.300.000	5.300.000
Cộng	5.300.000	5.300.000
21. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.393.000	23.688.000
Chi phí bằng tiền khác	1.128.361.451	1.170.208.358
	38.608.575	17.820.074
Cộng	1.191.363.026	1.211.716.432
22. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.197.917.830	1.445.418.143
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.329.544	20.371.971
Thuế, phí và lệ phí	236.360.722	202.729.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.939.953	66.336.806
Chi phí bằng tiền khác	644.068.424	713.843.533
	201.170.717	38.453.652
Cộng	2.347.787.190	2.487.153.641
23. Thu nhập khác		
Xử lý công nợ phải trả người bán của CN Hà Nội	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Khoán kinh doanh	1.121.565.319	0
Thu nhập khác	100.000.000	210.000.000
	13.440.691	26.924.802
Cộng	1.235.006.010	236.924.802
24. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Xử lý hàng hóa tồn kho của Chi nhánh Hà Nội	101.568.131	0
Truy thu, phạt thuế theo quyết định thanh tra	1.228.985.069	0
Chi phí khác	11.062.400	16.779.828
	85.451.764	71.599.806
Cộng	1.427.067.364	88.379.634

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	482.554.973	292.412.548
2. Thu nhập được miễn thuế	0	0
3. Các khoản chi phí không được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế TNDN	11.062.400	27.636.364
4. Chuyển lỗ các năm trước	493.617.373	320.048.912
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm (5=1-2+3-4)	0	0
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (5=4*20%)	0	0

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	482.554.973	292.412.548
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	3.957.900	3.069.011
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	122	95
Cổ phiếu Công ty		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.957.900	3.069.011
Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	3.957.900	3.069.011
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.957.900	3.069.011
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.957.900	3.069.011
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.957.900	3.069.011
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
Mệnh giá		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư của các bên liên quan

1.1 Trong năm, các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty THHH Thảo Viên	Cổ đông góp vốn	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	421.420.724
		Thu tiền bán hàng	421.420.724
		Cho vay tiền	9.500.000.000
		Lãi cho vay phải thu	840.033.891
Các thành viên HĐQT và BGD Công ty	Thành viên chủ chốt	Thu nhập	599.724.393

1.2 Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty THHH Thảo Viên	Cổ đông góp vốn	Phải thu tiền cho vay	18.500.000.000
		Phải thu lãi tiền cho vay	840.033.891
Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn	Cổ đông góp vốn	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	64.622.821.897
		Phải trả vay dài hạn	64.622.821.897
		Phải trả cổ tức	8.547.840
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Cổ đông góp vốn	Phải trả cổ tức	113.287.500

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K chi nhánh Đông Bắc.

3. Thông tin về hoạt động kinh doanh liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng Công ty đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và không có ý định thu hẹp quy mô sản xuất trong tương lai. Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 được lập trên giả định hoạt động liên tục.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
BỘ GIÁM ĐỐC**



Đậu Trường Sinh